

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
NĂM 2019

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 11 năm 2019

Số: 12 -TB/HĐTD

THÔNG BÁO

Về danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia kỳ thi, danh mục tài liệu ôn tập thi tuyển công chức, viên chức các cơ quan Đảng, Mặt trận, các đoàn thể trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2019 và một số nội dung khác liên quan

Thực hiện Kế hoạch số 106-KH/TU, ngày 26/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tuyển dụng công chức, viên chức các cơ quan Đảng, UBMTTQ Việt Nam tỉnh, các đoàn thể trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2019;

Căn cứ kết quả họp ngày 31/10/2019, Hội đồng tuyển dụng công chức, viên chức tỉnh Đắk Lắk năm 2019 thông báo một số nội dung như sau:

1. Danh sách **407** thí sinh đủ điều kiện tham gia kỳ thi tuyển dụng công chức, viên chức các cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2019 (chi tiết theo danh sách đính kèm).

Các thí sinh rà soát thông tin cá nhân, nếu có thay đổi thông tin, đề nghị các thí sinh phản ánh về Hội đồng tuyển dụng (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) kể từ ngày **18/11** đến hết ngày **20/11/2019** (trong giờ làm việc) để kịp thời điều chỉnh.

2. Danh mục tài liệu ôn tập thi tuyển tại vòng 1 và vòng 2 (chi tiết theo danh mục đính kèm).

Đối với phần thi Tiếng Anh gồm các câu multichoice, bài đọc hiểu, bài điền từ ở trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3. Thời gian, địa điểm tổ chức ôn tập, hướng dẫn cho thí sinh làm bài thi tuyển trên máy vi tính:

- Thời gian: 01 buổi, bắt đầu lúc 08h00 vào ngày **24/11/2019** (Chủ nhật).

- Địa điểm: Hội trường Tỉnh ủy Đắk Lắk - số 14, đường Lê Duẩn, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đề nghị các thí sinh mang theo chứng minh nhân dân, 02 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, vị trí và đơn vị dự tuyển) để nhận Giấy báo thi.

Hội đồng tuyển dụng công chức, viên chức tỉnh Đắk Lắk năm 2019 thông báo để các cơ quan, đơn vị và các thí sinh được biết, thực hiện.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo),
- Thành viên Hội đồng tuyển dụng,
- Báo Đắk Lắk, Trang thông tin điện tử của tỉnh (để đăng tin),
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy,
- UBMTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Trường Chính trị tỉnh,
- Lưu VPTU+BTCTU.

**T/M HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
ỦY VIÊN BTV TỈNH ỦY**

kiêm

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Lê Văn Nghĩa

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG
CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM 2019

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2019

(Kèm theo Thông báo số 12-TB/HĐTD ngày 15/11/2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức, viên chức tỉnh Đắk Lắk năm 2019)

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đang viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1. Chuyên viên về công tác Hội Nông dân (04 chỉ tiêu)															
1	Đinh Lan Anh	01		14/12/1991	Kinh		Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	B	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân huyện Cư M'Gar			
2	Lê Hồng Chiến	02	25/4/1992		Kinh	X	Đại học	Bảo vệ thực vật	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân huyện Cư M'Gar	Miễn thi		
3	Nguyễn Đức Dũng	03	12/12/1990		Kinh		Đại học	Công nghệ Môi trường	C	B	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân huyện Cư M'Gar			
4	Võ Thị Thu Hà	04		20/6/1991	Kinh	X	Đại học	Kinh tế	B	B	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân Thị xã Buôn Hồ	Miễn thi		
5	Y Hao Mlô	05	23/2/1991		Ê đê		Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi	C	UDCNTT Cơ bản	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân Thị xã Buôn Hồ		Dân tộc thiểu số	
6	Hoàng Lê Hào	06		7/6/1996	Kinh		Đại học	Kỹ sư Nông học	B1	UDCNTT nâng cao	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân Thị xã Buôn Hồ			
7	Nguyễn Văn Hiếu	07	03/12/1989		Kinh	x	Đại học	Bảo vệ thực vật	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân huyện Cư Kuin	Miễn thi		
8	Nguyễn Tấn Hoàng	08	17/10/2012		Kinh		Đại học	Công nghệ Sinh học NN - Môi trường	B	B	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân huyện Cư M'Gar			
9	Y Hoen Kbuôr	09	3/4/1982		Ê đê		Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	A	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân Thị xã Buôn Hồ		Dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đăng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
10	Lê Ngọc Hùng	10	14/2/1985		Kinh	X	Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	B1	A	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân Thị xã Buôn Hồ			
11	Y Khoa Adrong	11	24/8/1988		Ê đê		Đại học	Quản lý Tài nguyên rừng	B	A	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân huyện Cư M'Gar		Dân tộc thiểu số	
12	Y Bông Lào	12	23/03/1989		Lào	X	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân huyện Cư M'Gar		Dân tộc thiểu số	
13	H Thảo Linh Niê	13		31/07/1997	Ê đê		Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân huyện Cư M'Gar		Dân tộc thiểu số	
14	Lương Hoài Nam	14	05/4/1992		Kinh	X	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường	B	B	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân huyện Ea H'leo	Miễn thi		
15	Hồ Thị Nga	15		29/07/1986	Kinh		Đại học	Kinh tế nông lâm	B	B	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân huyện Cư Kuin			
16	Nguyễn Thị Thúy Nga	16		8/3/1990	Kinh		Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	B	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân Thị xã Buôn Hồ			
17	Nguyễn Thị Ái Ngân	17		01/01/1990	Kinh		Đại học	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	C	A	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân huyện Cư M'Gar			
18	Nguyễn Thị Bích Nguyệt	18		15/4/1991	Kinh	X	Đại học	Khoa học cây trồng	B	A	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân huyện Ea H'leo			
19	H Nuyl Mlô	19		05/02/1994	Ê đê		Đại học	Quản lý Tài nguyên và môi trường	Toeic	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân huyện Cư M'Gar		Dân tộc thiểu số	
20	Nguyễn Hồng Phụng	20	30/9/1984		Kinh		Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B1	B	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân Thị xã Buôn Hồ	Miễn thi		
21	Phan Thị Quế	21		20/5/1990	Kinh		Đại học	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	C	B	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân huyện Cư M'Gar		Con thương binh	
22	Trần Quang Thanh	22	20/11/1987		Kinh	X	Đại học	Kỹ thuật môi trường	B	B	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân huyện Ea H'leo			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
23	Nguyễn Thị Kim Thoa	23		8/5/1994	Kinh		Đại học	Kỹ thuật môi trường	B	UDCNTT Cơ bản	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân Thị xã Buôn Hồ			
24	Trần Thị Thom	24		18/11/1992	Kinh	x	Đại học	Khoa học cây trồng	B	B	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân huyện Cư Kuin			
25	Võ Thị Bích Thủy	25		10/08/1990	Kinh		Đại học	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	C	B	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân huyện Cư Kuin			
26	Trần Thị Đoàn Trang	26		11/10/1978	Kinh	X	Đại học	Trồng trọt	B	Trung cấp	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân Thị xã Buôn Hồ	Miễn thi	Tri thức trẻ tình nguyện	
27	Đoàn Văn Trinh	27	21/2/1984		Kinh	X	Đại học	Ngân hàng	B	B	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân Thị xã Buôn Hồ	Miễn thi		
28	Đoàn Thị Tư	28		02/01/1991	Kinh		Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	B	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân huyện Cư M'Gar		Con thương binh	
29	Lê Ly Va	29	1/1/1988		Kinh	X	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	B	Chuyên viên về công tác Hội Nông dân	Hội Nông dân Thị xã Buôn Hồ		Con thương binh	

2. Chuyên viên về công tác Hội Phụ nữ (03 chỉ tiêu)

1	Mai Thị Hồng Lệ Hằng	30		18/11/1982	Kinh		Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Hội Phụ nữ	Hội Phụ nữ huyện Krông Bông			
2	Nguyễn Thị Minh Hiền	31		03/01/1988	Kinh	X	Đại học	Tài chính kế toán	B	B	Chuyên viên về công tác Hội Phụ nữ	Hội Phụ nữ huyện Krông Ana			
3	H Hiom Niê	32		10/10/1994	Ê đê		Đại học	Quản lý Nhà nước	B	B	Chuyên viên về công tác Hội Phụ nữ	Hội Phụ nữ Thị xã Buôn Hồ		Dân tộc thiểu số	
4	Dương Thị Hồng	33		08/04/1990	Kinh	X	Đại học	Kế toán	C	B	Chuyên viên về công tác Hội Phụ nữ	Hội Phụ nữ huyện Krông Ana			
5	Rơ Cầm H' Vân Lan	34		8/10/1986	M' Nong		Đại học	Hành chính học	B	B	Chuyên viên về công tác Hội Phụ nữ	Hội Phụ nữ huyện Krông Bông		Dân tộc thiểu số	
6	Võ Thị Đan My	35		13/5/1992	Kinh	X	Thạc sĩ	QTKD	B, Toiecc 555	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Hội Phụ nữ	Hội Phụ nữ huyện Krông Ana			
7	H Nát Niê	36		29/8/1991	Ê đê	X	Đại học	Quản lý Nhà nước	B	B	Chuyên viên về công tác Hội Phụ nữ	Hội Phụ nữ Thị xã Buôn Hồ		Dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Nguyễn Tuấn Anh	50	27/6/1986		Kinh		Thạc sĩ	Triết học	B1	B	Công tác khoa học	Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học - Trường Chính trị tỉnh	Miễn thi		
2	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	51		24/6/1991	Kinh	X	Đại học	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	B	B	Giảng viên kiêm công tác hành chính	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cư M'Gar			
3	Nguyễn Thị Chinh	52		27/8/1994	Kinh		Đại học	Quản lý Nhà nước	B	UDCNTT cơ bản	Giảng viên kiêm công tác hành chính	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cư M'Gar			
4	Nguyễn Thị Dung	53		08/12/1991	Kinh		Đại học	Kế toán	B1	UDCNTT cơ bản	Công tác tổng hợp	Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu - Trường Chính trị tỉnh	Miễn thi		
5	Lê Thị Phương Hải	54		10/08/1994	Kinh		Đại học	Luật	B	B	Công tác giáo vụ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Thành phố Buôn Ma Thuột			
6	Trương Thị Thúy Hằng	55		20/8/1992	Kinh		Đại học	Hành chính học	B	B	Công tác giáo vụ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Thành phố Buôn Ma Thuột	Miễn thi		
7	Lâm Thị Thúy Hằng	56		20/11/1989	Kinh		Đại học	Công nghệ thông tin	C	Đại học	Công tác công nghệ thông tin	Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu - Trường Chính trị tỉnh	Miễn thi		
8	Phạm Thị Mỹ Hạnh	57		21/01/1985	Kinh	X	Đại học	Luật	B	UDCNTT cơ bản	Giảng viên kiêm công tác hành chính	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cư M'Gar			
9	Nguyễn Quang Hào	58	13/8/1993		Kinh		Đại học	Tâm lý học	A2	UDCNTT cơ bản	Công tác giáo vụ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện M'Drắk			
10	Hồ Phương Hiếu	59	05/11/1985		Kinh		Đại học	Luật	B	Đại học	Công tác giáo vụ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện M'Drắk			
11	Vũ Văn Huệ	60	08/12/1994		Kinh		Đại học	Quản lý Nhà nước	B	B	Giảng viên kiêm công tác hành chính	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cư M'Gar			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đang viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
12	Nguyễn Thị Kim Huệ	61		19/11/1991	Kinh	X	Đại học	Sư phạm Toán học	B	B	Công tác giáo vụ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Thành phố Buôn Ma Thuột			
13	Đỗ Thị Thu Huyền	62		18/4/1990	Kinh		Đại học	Luật	B	A	Công tác giáo vụ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Thành phố Buôn Ma Thuột	Miễn thi		
14	Phạm Văn Khoa	63	30/1/1988		Kinh	X	Đại học	Luật	B	B	Giảng viên kiêm công tác hành chính	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cư M'Gar			
15	Trần Thương Lam	64		30/6/1987	Kinh		Đại học	Giáo dục chính trị	B	A	Giảng viên kiêm công tác hành chính	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cư M'Gar			
16	Y Long Niê Siêng	65	27/12/1996		Ê đê		Đại học	Quản lý Nhà nước	B	B	Giảng viên kiêm công tác hành chính	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cư M'Gar		Dân tộc thiểu số	
17	Nguyễn Thị Minh Lý	66		26/01/1995	Kinh		Đại học	Quản lý Nhà nước	B	A	Giảng viên kiêm công tác hành chính	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cư M'Gar			
18	Nông Thị Mai	67		04/08/1995	Kinh		Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	UDCNTT cơ bản	Công tác giáo vụ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Thành phố Buôn Ma Thuột			
19	H' Mai Niê	68		20/1/1992	Ê đê		Đại học	Quản lý Nhà nước	B	UDCNTT cơ bản	Công tác giáo vụ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Thành phố Buôn Ma Thuột		Dân tộc thiểu số	
20	Ninh Thị Hồng Mến	69		15/8/1997	Kinh		Đại học	Luật	B1	UDCNTT cơ bản	Giảng viên kiêm công tác hành chính	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cư M'Gar			
21	Nguyễn Thị Mơ	70		20/10/1994	Kinh		Đại học	Quản lý Nhà nước	B	UDCNTT cơ bản	Công tác giáo vụ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Thành phố Buôn Ma Thuột		Con bệnh binh	
22	Trịnh Thị Phú Mỹ	71		05/10/1985	Kinh		Thạc sĩ	Triết học	B1	UDCNTT cơ bản	Công tác khoa học	Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học - Trường Chính trị tỉnh	Miễn thi		
23	Trần Hữu Nam	72	01/11/1993		Kinh		Đại học	Công nghệ thông tin	B	Đại học	Công tác công nghệ thông tin	Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu - Trường Chính trị tỉnh			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
24	Dương Thị Nguyên Ngọc	73		02/04/1990	Tày		Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B	B	Công tác giáo vụ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Thành phố Buôn Ma Thuột	Miễn thi	Dân tộc thiểu số	
25	Lê Thanh Ngọc	74		05/09/1990	Kinh	X	Đại học	Kế toán	B	B	Công tác tổng hợp	Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu - Trường Chính trị tỉnh			
26	Hồ Thị Hồng Nhị	75		02/07/1991	Kinh		Đại học	Sư phạm tâm lý- giáo dục	B	B	Công tác giáo vụ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Thành phố Buôn Ma Thuột			
27	Nguyễn Thị Nhung	76		21/4/1991	Kinh	X	Đại học	Luật	B	UDCNTT cơ bản	Công tác giáo vụ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Thành phố Buôn Ma Thuột		Con thương binh	
28	H Su Ra Kbuôr	77		02/05/1994	Ê đê	X	Đại học	Giáo dục chính trị	B1	B	Giảng viên kiêm công tác hành chính	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cư M'Gar		Dân tộc thiểu số	
29	Dương Minh Tâm	78	04/12/1992		Kinh		Đại học	Giáo dục chính trị	B1	B	Giảng viên kiêm công tác hành chính	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cư M'Gar			
30	Hoàng Thị Kim Thảo	79		20/02/1993	Kinh		Đại học	Sư phạm ngữ văn	B	A	Công tác giáo vụ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện M'Drắk			
31	Huỳnh Thụy Thanh Thương	80		24/12/1994	Kinh	X	Đại học	Kế toán	B	B	Công tác tổng hợp	Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu - Trường Chính trị tỉnh			
32	Hoàng Thị Thùy Trang	81		06/12/1992	Kinh		Đại học	Giáo dục tiểu học	B	B	Công tác giáo vụ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện M'Drắk	Miễn thi	Con bệnh binh	
33	Đặng Văn Tuấn	82	08/02/1993		Kinh		Đại học	Luật kinh tế	B	UDCNTT cơ bản	Công tác giáo vụ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện M'Drắk			
34	Trương Anh Tuấn	83	16/02/1986		Kinh		Đại học	Luật	B	A	Công tác giáo vụ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện M'Drắk			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đang viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
35	Tô Văn Tuấn	84	22/5/1987		Kinh		Đại học	Truyền thông và mạng máy tính	C	Đại học	Công tác công nghệ thông tin	Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu - Trường Chính trị tỉnh			
36	H Văn Byă	85		20/9/1992	Ê đê		Đại học	Quản lý nhà nước	B	B	Công tác giáo vụ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện M'Drăk		Dân tộc thiểu số	
37	Vũ Thị Vượng	86		18/6/1997	Kinh		Đại học	Giáo dục tiểu học	A2,B	UDCNTT cơ bản	Công tác giáo vụ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện M'Drăk			
38	Hoàng Yến	87		05/02/1992	Kinh	X	Đại học	Kế toán	B	B	Công tác tổng hợp	Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu - Trường Chính trị tỉnh			
5. Chuyên viên về công tác Mặt trận (05 chỉ tiêu)															
1	Võ Thị Bích	88		1/10/1995	Kinh		Đại học	Luật	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Cơ quan UBMTTQ huyện Krông Bông			
2	Phạm Thị Ngọc Bích	89		20/11/1997	Kinh		Đại học	Luật kinh tế	Toeic 505	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
3	Ngô Thị Khánh Bình	90		18/8/1997	Kinh		Đại học	Luật	B	UDCNTT nâng cao	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
4	Nguyễn Doãn Chương	91	20/11/1992		Kinh	x	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh	Miễn thi		
5	Võ Thành Công	92	17/10/1996		Kinh		Đại học		B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Cơ quan UBMTTQ huyện Krông Pắc			
6	Nguyễn Thị Kim Cúc	93		09/03/1993	Kinh		Đại học	Luật kinh tế	C	B	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
7	Lê Anh Cường	94	8/3/1996		Kinh		Đại học	Luật	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Cơ quan UBMTTQ huyện Krông Bông			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
8	Hà Quốc Cường	95	17/9/1992		Thái	x	Đại học	giáo dục chính trị	B	B	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân tộc, Tôn giáo và Đối ngoại nhân dân, Cơ quan UBMTTQ tỉnh		Dân tộc thiểu số	
9	Phạm Quang Đạt	96	09/04/1995		Kinh		Đại học	Luật Quốc tế	B	B	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Cơ quan UBMTTQ huyện Krông Ana			
10	Cao Xuân Đức	97	21/8/1996		Kinh		Đại học	Luật kinh tế	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
11	Thân Văn Đức	98	11/07/1996		Kinh		Đại học	Luật	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
12	Đinh Thị Thanh Hoa	99		20/11/1992	Mường	x	Đại học	Quản lý Nhà nước	B	A	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân tộc, Tôn giáo và Đối ngoại nhân dân, Cơ quan UBMTTQ tỉnh		Dân tộc thiểu số	
13	Ngô Thị Hòa	100		14/6/1997	Tày		Đại học	Luật	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh		Dân tộc thiểu số	
14	Đào Thị Thu Hồng	101		19/9/1994	Kinh		Đại học	Luật kinh tế	B	B	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
15	Nguyễn Văn Hùng	102	10/07/1997		Kinh		Đại học	Luật	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Cơ quan UBMTTQ huyện Krông Ana			
16	Nguyễn Văn Hưng	103	19/8/1983		Tày	x	Đại học	giáo dục chính trị	B	B	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân tộc, Tôn giáo và Đối ngoại nhân dân, Cơ quan UBMTTQ tỉnh	Miễn thi	Dân tộc thiểu số	
17	Hoàng Thị Lan Hương	104		22/8/1992	Kinh		Đại học	Luật học	B	B	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
18	Vũ Thị Diệu Linh	105		23/5/1984	Kinh	x	Đại học	Luật	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh	Miễn thi		
19	Cao Hà Linh	106		10/12/1997	Kinh	x	Đại học	Luật	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
20	Trần Thị Kim Loan	107		12/06/1991	Kinh		Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
21	Văn Đức Mỹ	108	29/02/1993		Kinh		Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Cơ quan UBMTTQ huyện Krông Ana			
22	Phùng Thị Ngân	109		08/06/1988	Nùng	x	Đại học	giáo dục chính trị	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân tộc, Tôn giáo và Đối ngoại nhân dân, Cơ quan UBMTTQ tỉnh		Dân tộc thiểu số	
23	Lê Thị Nhung	110		10/08/1984	Kinh	x	Đại học	Xã hội học	B	B	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh	Miễn thi		
24	Y Niăng Cil	111	7/7/1990		M' Nong	X	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Cơ quan UBMTTQ huyện Krông Bông		Dân tộc thiểu số	
25	Huỳnh Ngọc Phong	112	10/6/1988		Kinh	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Cơ quan UBMTTQ huyện Krông Bông	Miễn thi		
26	Trần Nhân Phương	113	06/01/1983		Kinh		Đại học	Kỹ thuật xây dựng	B	B	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Cơ quan UBMTTQ huyện Krông Pắc			
27	Phạm Quang Thái	114	21/01/1988		Kinh	x	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh		Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
28	Đặng Thị Lan Thanh	115		10/11/1991	Kinh		Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
29	Huỳnh Văn Thành	116	20/02/1983		Kinh	x	Đại học	Luật	B	Cao đẳng	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
30	Lê Thị Ngọc Thủy	117		12/11/1989	Kinh		Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Cơ quan UBMTTQ huyện Krông Ana			
31	Đặng Thị Trà	118		10/06/1988	Kinh		Đại học	Luật	B	A	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh	Miễn thi		
32	Cao Thế Truyền	119	19/02/1990		Kinh	X	Đại học	Luật	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Cơ quan UBMTTQ huyện Krông Ana			
33	Nguyễn Xuân Tường	120	16/6/1986		Kinh	x	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh	Miễn thi		

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đăng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
34	Nguyễn Thị Tuyết	121		09/05/1984	Kinh	x	Đại học	Luật	B	A	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh		Con thương binh	
35	Đặng Phan Thị Vy	122		20/5/1990	Kinh		Đại học	Luật	B	A	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
36	Đào Thị Vy	123		08/02/1991	Kinh		Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
37	H' Will Niê Kđăm	124		14/5/1989	Ê đê	x	Đại học	Quản lý Nhà nước	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân tộc, Tôn giáo và Đối ngoại nhân dân, Cơ quan UBMTTQ tỉnh		Dân tộc thiểu số	
38	Nguyễn Thị Hải Yến	125		22/12/1996	Kinh		Đại học	Luật	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Ban dân chủ - Pháp luật, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
6. Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên/ Đối ngoại trong Đoàn (14 chỉ tiêu)															
1	Y Biên Êban	126	1/12/1994		Ê đê		Đại học	Luật	A2	B	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Thị đoàn Buôn Hồ		Dân tộc thiểu số	
2	H Bíp Niê	127		7/9/1992	Ê đê	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Huyện đoàn Krông Bông		Dân tộc thiểu số	
3	H Bol Byă	128		1/1/1996	Ê đê		Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Ban Phong trào, Cơ quan Tỉnh đoàn		Dân tộc thiểu số	
4	H Chi Ayūn	129		09/01/1995	Ê đê		Đại học	Kinh tế	B	B	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Văn phòng, Cơ quan Tỉnh đoàn		Dân tộc thiểu số	
5	Nguyễn Quốc Cường	130	9/6/1996		Kinh		Đại học	Quản lý và quản trị tổ chức	Đào tạo bằng tiếng Pháp	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Văn phòng, Cơ quan Tỉnh đoàn	Miễn thi		
6	H Díp Drao	131		20/5/1996	Ê đê		Đại học	Giáo dục chính trị	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên kiêm văn thư - lưu trữ	Cơ quan Huyện đoàn Krông Bông		Dân tộc thiểu số	
7	Ngô Công Doanh	132	01/01/1997		Kinh		Đại học	Luật kinh tế	C	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Huyện đoàn Cư Kuin			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đăng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
8	Trịnh Minh Đông	133	17/3/1995		Kinh		Đại học	Giáo dục chính trị	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Huyện đoàn Krông Bông			
9	Phạm Ngọc Đức	134	14/3/1996		Kinh		Đại học	Luật kinh tế	Anh B1	UDCNTT nâng cao	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Văn phòng, Cơ quan Tỉnh đoàn			
10	Bùi Trần Duy	135	28/10/1996		Kinh		Đại học	Luật kinh tế	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Huyện đoàn Krông Ana			
11	Phạm Văn Duy	136	15/3/1991		Kinh	X	Đại học	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử, Truyền thông	C	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Ban Thanh thiếu nhi - Trường học, Cơ quan Tỉnh đoàn	Miễn thi		
12	Nguyễn Đắc Dỹ	137	1/3/1990		Kinh		Đại học	Quản lý Văn hóa	Anh B	B	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Trung tâm huấn luyện kỹ năng, Cơ quan Tỉnh đoàn		Con người được hưởng chính sách như thương binh	
13	Đặng Xuân Hà	138	8/10/1990		Kinh		Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Ban Phong trào, Cơ quan Tỉnh đoàn			
14	Nguyễn Thị Thúy Hằng	139		10/01/1992	Kinh		Đại học	Kinh tế	B	Kỹ thuật viên	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Huyện đoàn Krông Ana			
15	Bùi Nguyên Hạnh	140		12/12/1996	Nùng		Đại học	Luật	B1	B	Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên kiêm văn thư - lưu trữ	Cơ quan Huyện đoàn Krông Bông		Dân tộc thiểu số	
16	Lê Trần Quỳnh Hạnh	141		5/10/1995	Kinh		Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Văn phòng, Cơ quan Tỉnh đoàn			
17	Trương Thị Minh Hiếu	142		21/8/1990	Kinh		Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Văn phòng, Cơ quan Tỉnh đoàn	Miễn thi		
18	Đặng Hoàng Kha	143	10/2/1995		Kinh		Đại học	Luật	B	UDCNTT Cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Thị đoàn Buôn Hồ			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
19	Hoàng Thế Huy	144	25/01/1991		Kinh	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Huyện đoàn Krông Ana			
20	Nguyễn Đức Huy	145	14/6/1995		Kinh		Đại học	Công nghệ thông tin	B	Đại học	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Ban Thanh thiếu nhi - Trường học, Cơ quan Tỉnh đoàn			
21	Nguyễn Thị Dương Huyền	146		4/5/1997	Kinh		Đại học	Luật	TOEIC 475	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Văn phòng, Cơ quan Tỉnh đoàn			
22	Đào Vân Huyền	147		25/2/1996	Kinh		Đại học	Xã hội học	Anh B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Văn phòng, Cơ quan Tỉnh đoàn			
23	Y Jim Mlô	148	9/6/1994		Ê đê		Đại học	Luật	Toeic 475	B	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Thị đoàn Buôn Hồ		Dân tộc thiểu số	
24	Y Khăm Ta Niê	149	9/4/1991		Gia Rai	X	Đại học	Luật học	B, B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Cơ quan Huyện đoàn Ea Súp			
25	Đoàn Đức Khánh	150	8/9/1997		Kinh		Đại học	Luật	Anh B1	UDCNTT nâng cao	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Văn phòng, Cơ quan Tỉnh đoàn			
26	Phạm Anh Kiên	151	21/9/1992		Kinh		Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Huyện đoàn Krông Bông	Miễn thi		
27	H Koen Rcâm	152		20/2/1996	M' Nong		Đại học	Giáo dục chính trị	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Huyện đoàn Krông Bông		Dân tộc thiểu số	
28	H Sa La Byă	153		5/3/1994	Ê đê		Đại học	Giáo dục chính trị	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên kiêm văn thư - lưu trữ	Cơ quan Huyện đoàn Krông Bông		Dân tộc thiểu số	
29	Y Mi La Byă	154	30/10/1994		Ê đê		Đại học	Giáo dục chính trị	B1	UDCNTT Cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Thị đoàn Buôn Hồ		Dân tộc thiểu số	
30	Hồng Thị Ngọc Liễu	155		26/6/1993	Kinh		Đại học	Marketing	Anh C	B	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Ban Phong trào, Cơ quan Tỉnh đoàn			
31	Nguyễn Thị Ngọc Linh	156		08/04/1995	Kinh		Đại học	Văn hóa học	Anh B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Trung tâm huấn luyện kỹ năng, Cơ quan Tỉnh đoàn			
32	Đinh Thị Tổ Loan	157		9/3/1993	Kinh		Đại học	Kinh tế	B	A	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Thị đoàn Buôn Hồ			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
33	Ngô Tiến Long	158	06/04/1994		Kinh		Đại học	Giáo dục chính trị	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Huyện đoàn Krông Ana			
34	Nguyễn Thị Lựu	159		20/10/1992	Kinh		Đại học	Kinh tế	B	B	Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên kiêm văn thư - lưu trữ	Cơ quan Huyện đoàn Krông Bông			
35	Nguyễn Thị Trúc Ly	160		16/05/1995	Kinh	x	Đại học	Luật	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Huyện đoàn Cư Kuin			
36	Y Lý Miô	161	15/5/1994		Ê đê		Đại học	Quản lý Nhà nước	B	UDCNTT Cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Thị đoàn Buôn Hồ		Dân tộc thiểu số	
37	H Mê Riam Kbuôr	162		01/11/1996	Ê đê		Đại học	Triết học	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Cơ quan Huyện đoàn Ea Súp			
38	Lê Kiều Minh	163		29/12/1991	Kinh		Thạc sỹ	Cử nhân tài chính ngân hàng;Ths. Quản trị Kinh doanh	B	B	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Văn phòng, Cơ quan Tỉnh đoàn			
39	Nguyễn Vũ Nam	164	11/11/1995		Kinh		Đại học	Kinh tế	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Ban Phong trào, Cơ quan Tỉnh đoàn	Miễn thi		
40	Lục Phương Nam	165	28/10/1991		Tày		Đại học	Luật; Tài chính - Ngân hàng	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Ban Tuyên giáo, Cơ quan Tỉnh đoàn	Miễn thi	Dân tộc thiểu số	
41	H Nghen Rơ Yam	166		27/7/1994	M' Nong		Đại học	Giáo dục chính trị	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên kiêm văn thư - lưu trữ	Cơ quan Huyện đoàn Krông Bông		Dân tộc thiểu số	
42	Nguyễn Thị Như Nguyễn	167		19/5/1996	Kinh		Đại học	Luật kinh tế	C	UDCNTT Cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Thị đoàn Buôn Hồ			
43	Lê Thị Nụ	168		30/9/1991	Kinh		Đại học	Quản lý Văn hóa	Anh B	B	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Trung tâm huấn luyện kỹ năng, Cơ quan Tỉnh đoàn			
44	Nông Thị Ngọc Oanh	169		6/10/1993	Nùng		Đại học	Giáo dục Chính trị	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Cơ quan Huyện đoàn Ea Súp			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
45	Phạm Tấn Phú	170	16/5/1993		Kinh		Thạc sỹ	Kinh tế Nông nghiệp	B	B	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Ban Phong trào, Cơ quan Tỉnh đoàn			
46	Dương Thanh Phúc	171	16/9/1990		Kinh		Đại học	Cử nhân kinh doanh	Du học tại Úc	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Ban Phong trào, Cơ quan Tỉnh đoàn	Miễn thi	Con người được hưởng chính sách như thương binh	
47	H Phương Ktla	172		28/8/1993	Ê đê		Đại học	Quản lý Nhà nước	B	B	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Thị đoàn Buôn Hồ		Dân tộc thiểu số	
48	Đoàn Kinh Quốc	173	16/7/1991		Kinh		Đại học	Luật	Anh B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Văn phòng, Cơ quan Tỉnh đoàn			
49	Lê Thị Quỳnh	174		02/08/1991	Kinh		Đại học	luật	B	B	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Văn phòng, Cơ quan Tỉnh đoàn			
50	H Rim Mlô	175		20/4/1994	Ê đê		Đại học	Công tác xã hội	B1	UDCNTT Cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Thị đoàn Buôn Hồ		Dân tộc thiểu số	
51	Y Săng Ayün	176	9/6/1993		Ê đê		Đại học	Quản lý Nhà nước	Anh B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Văn phòng, Cơ quan Tỉnh đoàn		Dân tộc thiểu số	
52	Nguyễn Thị Thu Sương	177		8/12/1992	Kinh	X	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	B1	B	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Ban Phong trào, Cơ quan Tỉnh đoàn			
53	Nguyễn Hồng Tâm	178		24/7/1990	Kinh		Thạc sỹ	Xã hội học	Đại học	A	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Văn phòng, Cơ quan Tỉnh đoàn	Miễn thi		
54	Nguyễn Ngọc Tân	179	1/10/1997		Kinh		Đại học	Quản lý Nhà nước	B	UDCNTT Cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Thị đoàn Buôn Hồ			
55	Lê Văn Tấn Thành	180	18/12/1996		Kinh		Đại học	Quản lý Nhà nước	C	B	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Huyện đoàn Không Bông			
56	Nguyễn Thị Hoài Thanh	181		20/02/1991	Kinh	X	Đại học	Tài chính ngân hàng	C	B	Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên kiêm văn thư - lưu trữ	Cơ quan Huyện đoàn Không Bông			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
57	Vũ Thị Phương Thảo	182		27/06/1993	Kinh		Đại học	Luật	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Huyện đoàn Cư Kuin			
58	Nguyễn Thị Phương Thảo	183		06/06/1996	Kinh		Đại học	Kinh tế	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Huyện đoàn Krông Ana			
59	Tô Văn Toàn	184	5/10/1991		Nùng		Đại học	Giáo dục chính trị; Luật	Anh B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Văn phòng, Cơ quan Tỉnh đoàn		Dân tộc thiểu số	
60	Nguyễn Thùy Trang	185		12/09/1995	Kinh		Đại học	Triết học	B1	B	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Huyện đoàn Krông Ana			
61	Nguyễn Thị Thu Trang	186		1/9/1990	Kinh	X	Đại học	Văn hóa học	Anh B	Văn phòng	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Ban Tuyên giáo, Cơ quan Tỉnh đoàn	Miễn thi		
62	Phạm Thị Hồng Trung	187		10/04/1995	Kinh	x	Đại học	Triết học	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	Cơ quan Huyện đoàn Cư Kuin	Miễn thi		
63	Võ Tiến Tuấn Niê	188	12/12/1995		Êđê		Đại học	Quan hệ Quốc tế	VNU-EPT	Đại cương	Chuyên viên về công tác đối ngoại kiêm công tác thiếu nhi, văn phòng hội sinh viên	Ban Thanh thiếu nhi - Trường học, Cơ quan Tỉnh đoàn		Dân tộc thiểu số	
64	Nguyễn Thị Uyên	189		7/11/1996	Kinh		Đại học	Báo chí	B	B	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Ban Tuyên giáo, Cơ quan Tỉnh đoàn			
65	Huỳnh Hà Thảo Uyên	190		02/12/1995	Kinh		Đại học	Luật kinh tế	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Văn phòng, Cơ quan Tỉnh đoàn			
66	Nguyễn Thị Anh Vân	191		25/11/1996	Kinh		Đại học	Luật Kinh tế	Anh B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Văn phòng, Cơ quan Tỉnh đoàn			

7. Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy (08 chỉ tiêu)

1	Nguyễn Thị Việt Anh	192		19/5/1994	Kinh	x	Đại học	Chính trị học	B	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Huyện ủy M'Drăk		Con thương binh	
2	Nguyễn Triệu Ngọc Anh	193		28/12/1995	Nùng	X	Đại học	Quản lý Nhà nước	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Phòng Hành chính - tiếp dân, Văn phòng Tỉnh ủy		Dân tộc thiểu số	
3	Cao Thị Anh Đào	194		21/9/1992	Kinh	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Huyện ủy Krông Năng			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4	Lò Thị Dư	195		4/4/1988	Thái	X	Đại học	Hành chính học	B	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Phòng Hành chính - tiếp dân, Văn phòng Tỉnh ủy		Dân tộc thiểu số	
5	Nguyễn Tiến Hà	196	15/11/1980		Kinh	X	Đại học	Trồng trọt	B	Trung cấp	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Thành ủy Buôn Ma Thuột	Miễn thi		
6	Nguyễn Thị Bích Hiền	197		25/12/1991	Kinh	X	Đại học	Kinh tế	B	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Huyện ủy Krông Búk	Miễn thi		
7	Phạm Văn Hiền	198	27/7/1988		Kinh	X	Thạc sỹ	Nông học	B	A	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Thành ủy Buôn Ma Thuột	Miễn thi		
8	Vũ Văn Hùng	199	11/06/1991		Kinh	X	Đại học	Chính trị - Luật	B	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Huyện ủy Krông Búk	Miễn thi		
9	Võ Thị Lan	200		02/3/1989	Kinh	x	Đại học	Lịch sử	B	A	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Huyện ủy M'Drắk			
10	Trương Thị Thùy Linh	201		08/06/1991	Kinh	X	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Thành ủy Buôn Ma Thuột	Miễn thi		
11	Phạm Bích Loan	202		06/9/1988	Kinh	x	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Huyện ủy M'Drắk			
12	Nguyễn Quốc Long	203	25/2/1978		Kinh	X	Đại học	Kế toán	B	A	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Thành ủy Buôn Ma Thuột			
13	Nguyễn Bùi Ánh Ngọc	204		20/11/1989	Kinh	X	Đại học	Kinh tế và quản lý công	C	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Thành ủy Buôn Ma Thuột			Bổ sung hồ sơ từ Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh
14	Y Nguyệt Miô	205	26/11/1984		Ê đê	X	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Thị ủy Buôn Hồ		Dân tộc thiểu số	
15	Hoàng Minh Nhân	206	15/09/1991		Kinh	x	Thạc sỹ	Quản lý công	B1	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Huyện ủy Cư Kuin	Miễn thi		
16	Trần Y Nhật	207	27/7/1993		Ê đê	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Phòng Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy		Dân tộc thiểu số	
17	Lê Hữu Nhuận	208	8/11/1994		Kinh	X	Đại học	Quản lý Nhà nước	Đại học	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Phòng Hành chính - tiếp dân, Văn phòng Tỉnh ủy	Miễn thi		

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
18	Hoàng Thị Diệp Oanh	209		11/5/1990	Kinh	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Huyện ủy Krông Năng	Miễn thi		
19	Cao Thành Phương	210	25/12/1988		Kinh	x	Đại học	Kinh tế và Quản lý công	C	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Huyện ủy Cư Kuin			
20	Nguyễn Văn Phương	211	12/10/1985		Kinh	x	Đại học	Hành chính học	B	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Huyện ủy M'Drắk			
21	Nông Thảo Phương	212		11/06/1992	Tày	X	Đại học	Kinh tế xây dựng	B	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Huyện ủy Krông Năng		Dân tộc thiểu số	
22	Hoàng Thị Phương	213		27/9/1992	Kinh	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Huyện ủy Krông Năng			
23	Nguyễn Văn Quyết	214	11/09/1987		Kinh	X	Đại học	Luật	B	Đại học	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Huyện ủy Krông Năng	Miễn thi		
24	Y Rusi Êban	215	24/11/1993		Ê đê	X	Đại học	Giáo dục chính trị	C	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Thị ủy Buôn Hồ		Dân tộc thiểu số	
25	Phạm Xuân Sáng	216	03/06/1989		Kinh	X	Đại học	Chính trị học	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Huyện ủy Krông Búk			
26	Nguyễn Thị Thủy	217		04/04/1994	Kinh	X	Đại học	Luật	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Huyện ủy Krông Năng			
27	Phạm Thị Thu Thuyền	218		10/8/1993	Kinh	X	Đại học	Tài chính ngân hàng	C	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Thành ủy Buôn Ma Thuột			Bổ sung hồ sơ từ Đảng ủy khối các cơ quan
28	Dương Thị Phương Trang	219		28/6/1989	Kinh	X	Đại học	Kinh tế đối ngoại	Toeic	B	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Thành ủy Buôn Ma Thuột			
29	Y Zen Niê	220	1/9/1988		Ê đê	X	Đại học	Kinh tế nông lâm	B	A	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Thị ủy Buôn Hồ		Dân tộc thiểu số	
8. Kiểm tra viên (06 chỉ tiêu)															
1	Trương Thị Lan Anh	221		9/9/1988	Kinh	x	Đại học	Kế toán	B	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Krông Pắc	Miễn thi		

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Võ Nhật Anh	222	31/3/1992		Kinh	X	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Krông Bông			
3	Đỗ Thị Kim Chi	223		4/4/1994	Kinh	X	Đại học	Luật	B	UDCNTT cơ bản	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Krông Bông			
4	Nguyễn Văn Chiến	224	27/09/1988		Kinh	x	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	Văn phòng	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Cư Kuin			Bổ sung từ Đảng ủy khỏi các cơ quan
5	Y Chương Ê Ban	225	01/01/1985		Ê đê	X	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	C	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Thị ủy Buôn Hồ	Miễn thi	Dân tộc thiểu số	Bổ sung hồ sơ từ Đảng ủy khỏi các cơ quan
6	Phạm Văn Đồng	226	2/9/1989		Kinh	X	Đại học	Luật	B	Kỹ thuật viên	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Krông Bông		Con thương binh	
7	Cao Minh Đức	227	17/11/1987		Kinh	x	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Cư Kuin	Miễn thi		
8	Nguyễn Văn Đức	228	15/11/1990		Kinh	x	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	UDCNTT cơ bản	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Cư Kuin	Miễn thi		
9	Lê Anh Dũng	229	26/12/1990		Kinh	x	Đại học	Tài chính - ngân hàng	C	Kỹ thuật viên	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Ea Kar	Miễn thi		
10	Nguyễn Thị Trường Giang	230		17/4/1989	Kinh	x	Đại học	Tài chính Ngân hàng	C	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Krông Pắc		Con thương binh	
11	Nguyễn Thị Việt Hà	231		04/08/1991	Kinh	x	Thạc sỹ	Tài chính - Ngân hàng	C	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Cư Kuin			
12	Nguyễn Minh Hải	232	16/09/1986		Kinh	X	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Krông Bông		Con thương binh	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đang viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
13	Văn Thị Mỹ Hạnh	233		26/04/1991	Kinh	x	Đại học	Luật	B	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Cư Kuin			
14	Dương Quốc Hoàng	234	16/10/1983		Kinh	X	Đại học	Luật	B	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Krông Bông	Miễn thi		
15	Nguyễn Hữu Khương	235	12/11/1981		Kinh	x	Đại học	Kế toán	B	Trung cấp tin học - kế toán	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Krông Pắc	Miễn thi		
16	Phan Trung Kiên	236	4/3/1985		Kinh	X	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Krông Bông	Miễn thi		
17	Nông Văn Linh	237	11/3/1986		Nùng	x	Thạc sĩ	Kinh tế		UDCNTT cơ bản	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Ea Kar	Miễn thi	Dân tộc thiểu số	
18	Trần Thị Hà Mí	238		20/11/1993	Kinh	x	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B1	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Cư Kuin	Miễn thi		
19	Huỳnh Thanh Nghiêm	239	25/9/1990		Kinh	x	Đại học	Tài chính - ngân hàng	B	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Ea Kar			
20	H Ngõn Niê	240		5/6/1992	Ê đê	X	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Thị ủy Buôn Hồ		Dân tộc thiểu số	
21	Y Nhân Adrong	241	15/10/1989		Ê đê	X	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Thị ủy Buôn Hồ		Dân tộc thiểu số	
22	Nguyễn Nhật Phong	242	20/11/1992		Kinh	X	Đại học	Kế toán	B	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Krông Bông			
23	Y Pun Niê	243	3/10/1981		Ê đê	X	Đại học	Luật	B	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Thị ủy Buôn Hồ	Miễn thi	Dân tộc thiểu số	
24	Nguyễn Hồng Quân	244	25/3/1983		Kinh	X	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	UDCNTT cơ bản	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Krông Bông			
25	Trần Đình Vinh Tân	245	22/9/1990		Kinh	x	Cử nhân	Tài chính ngân hàng	B	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Krông Pắc			Bổ sung từ Đảng ủy khối các cơ quan

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
26	Nguyễn Thành	246	30/05/1984		Kinh	x	Thạc sỹ	Kinh tế nông nghiệp	B	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Cư Kuin			
27	Phạm Thị Hiếu Thảo	247		26/3/1989	Kinh	x	Đại học	Tài chính Ngân hàng	B	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Krông Pắc	Miễn thi		
28	Lục Đức Thọ	248	19/08/1990		Tày	x	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	UDCNTT cơ bản	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Cư Kuin		Dân tộc thiểu số	
29	Phạm Thị Huyền Trang	249		13/03/1993	Kinh	x	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Cư Kuin			
30	H Uên Niê	250		22/02/1990	Ê đê	X	Đại học	Tài chính ngân hàng	C	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Krông Bông		Dân tộc thiểu số	
31	Phạm Hoài Việt	251	23/5/1989		Kinh	x	Đại học	Tài chính - ngân hàng	B	B	Kiểm tra viên	Cơ quan UBKT Huyện ủy Ea Kar	Miễn thi		

9. Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng/ Phát triển nhân lực (09 chỉ tiêu)

1	Lê Đức Ánh	252	07/02/1992		Kinh	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	Ban Tổ chức Huyện ủy Krông Ana			
2	Lê Thị Lệ Búp	253		14/8/1989	Kinh	x	Thạc sỹ	Quản lý công	B	B	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Phòng Tổ chức Đảng - Đảng viên, Ban Tổ chức Tỉnh ủy			
3	Nguyễn Cao Chí	254	24/10/1986		Kinh	X	Đại học	Luật	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Ban Tổ chức Thành ủy Buôn Ma Thuột			
4	Lãnh Ngọc Chiến	255	01/10/1987		Tày	x	Đại học	Quản trị nhân lực	B	B	Chuyên viên về Phát triển nhân lực	Phòng Tổng hợp - chính sách cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy		Dân tộc thiểu số	
5	Phạm Văn Cương	256	29/3/1989		Kinh	X	Đại học	Luật	B	A	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	Ban Tổ chức Huyện ủy Krông Ana			
6	Đỗ Tiến Đạt	257	14/01/1988		Kinh	x	Đại học	Công nghệ thông tin	B	Đại học	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Phòng Tổ chức Đảng - Đảng viên, Ban Tổ chức Tỉnh ủy			
7	Nguyễn Trần Dương	258	10/02/1984		Kinh	x	Đại học	Hành chính học	B	Trung cấp	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Phòng Tổ chức Đảng - Đảng viên, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Miễn thi		

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
8	Nguyễn Thị Hiền	259		13/7/1986	Kinh	x	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	Ban Tổ chức Huyện ủy M'Drắk			
9	Hoàng Hiệp	260	12/06/1990		Kinh	x	Đại học	Công nghệ thông tin	B	Đại học	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Phòng Tổ chức Đảng - Đảng viên, Ban Tổ chức Tỉnh ủy			
10	Lê Thị Hồng	261		16/8/1988	Kinh	x	Đại học	Hành chính học	B	B	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Phòng Tổ chức Đảng - Đảng viên, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Miễn thi		
11	Hoàng Duy Khánh	262	15/11/1990		Kinh	X	Đại học	Luật	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Ban Tổ chức Thành ủy Buôn Ma Thuột			
12	Nguyễn Phi Hùng	263	23/2/1991		Kinh	X	Đại học	Giáo dục chính trị	B	B	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Ban Tổ chức Thị ủy Buôn Hồ	Miễn thi		
13	Quách Quỳnh Hương	264		23/3/1986	Mường	x	Thạc sỹ	Quản lý công	B	B	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Phòng Tổ chức - cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Miễn thi	Dân tộc thiểu số	
14	Đặng Quang Huy	265	24/12/1993		Kinh	X	Đại học	Luật	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	Ban Tổ chức Huyện ủy Krông Ana			
15	Vì Văn Ký	266	09/04/1991		Thái	X	Đại học	Giáo dục chính trị	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Ban Tổ chức Thành ủy Buôn Ma Thuột		Dân tộc thiểu số	
16	Nông Thị Hồng Liên	267		31/8/1986	Tày	x	Đại học	Giáo dục chính trị	B	B	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	Ban Tổ chức Huyện ủy M'Drắk		Dân tộc thiểu số	
17	Lê Ngọc Loan	268		31/12/1989	Kinh	X	Đại học	Luật	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Ban Tổ chức Thành ủy Buôn Ma Thuột	Miễn thi		Bổ sung hồ sơ từ Đảng ủy khối các cơ quan
18	Y Lucky Niê	269	20/01/1991		Ê đê	x	Đại học	Quản lý Nhà nước	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Phòng Tổ chức - cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy		Dân tộc thiểu số	
19	Lê Thị Thu Ngân	270		19/5/1988	Kinh	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Ban Tổ chức Thành ủy Buôn Ma Thuột			
20	Vũ Thị Nhung	271		11/9/1982	Kinh	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Ban Tổ chức Thị ủy Buôn Hồ	Miễn thi		

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
21	H'Oanh Niê	272		20/11/1987	Ê Đê	x	Đại học	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về Phát triển nhân lực	Phòng Tổng hợp - chính sách cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy		Dân tộc thiểu số	
22	Lê Văn Phong	273	20/8/1988		Kinh	x	Đại học	Giáo dục chính trị	B	A	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	Ban Tổ chức Huyện ủy M'Drắk			
23	Nguyễn An Phương	274	09/12/1990		Kinh	X	Đại học	Luật	B	A	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	Ban Tổ chức Huyện ủy Krông Ana	Miễn thi		
24	Lê Nhật Quang	275	16/10/1989		Kinh	X	Đại học	Luật kinh tế	B	Cao đẳng	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Ban Tổ chức Thành ủy Buôn Ma Thuột	Miễn thi		
25	Nguyễn Quang Quyền	276	19/12/1984		Kinh	x	Đại học	Công nghệ thông tin	B	Đại học	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Phòng Tổ chức Đảng - Đảng viên, Ban Tổ chức Tỉnh ủy			
26	Nguyễn Ngọc San	277	21/2/1982		Kinh	x	Đại học	Toán - Tin	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Phòng Tổ chức Đảng - Đảng viên, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Miễn thi		
27	Hồ Văn Thập	278	08/07/1980		Kinh	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	Ban Tổ chức Huyện ủy Krông Ana	Miễn thi		
28	Nguyễn Thị Thom	279		20/2/1992	Kinh	X	Đại học	Luật	A2	Trung cấp	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Ban Tổ chức Thành ủy Buôn Ma Thuột	Miễn thi		
29	Nguyễn Duy Trung	280	24/4/1983		Kinh	x	Đại học	Hành chính học	B	A	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Phòng Tổ chức Đảng - Đảng viên, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Miễn thi		
30	Trịnh Xuân Tùng	281	02/10/1982		Kinh	X	Đại học	Luật	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	Ban Tổ chức Huyện ủy Krông Ana	Miễn thi	Quân nhân xuất ngũ	
31	Hoàng Thanh Tùng	282	14/8/1990		Kinh	X	Đại học	Luật	B	A	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	Ban Tổ chức Huyện ủy Krông Ana			
32	Lê Thị Vân	283		05/04/1990	Kinh	X	Đại học	Luật	B	Văn phòng	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Ban Tổ chức Thành ủy Buôn Ma Thuột			
33	Phạm Thị Cẩm Vân	284		20/4/1987	Kinh	X	Thạc sỹ	Quản lý công	B	A	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Ban Tổ chức Thành ủy Buôn Ma Thuột			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
34	Phan Thị Vân	285		08/10/1982	Kinh	X	Đại học	Luật	B	A	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Ban Tổ chức Thành ủy Buôn Ma Thuột			
35	Trần Thị Thúy Vi	286		10/11/1997	Kinh	X	Đại học	Luật kinh tế	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	Ban Tổ chức Huyện ủy Krông Ana			
36	Nông Văn Vui	287	28/12/1983		Kinh	x	Đại học	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	B2	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Phòng Tổ chức Đảng - Đảng viên, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Miễn thi		

10. Chuyên viên về công tác Tuyên giáo (05 chỉ tiêu)

1	H Buyn Mlô	288		16/12/1990	Ê đê	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Búk		Dân tộc thiểu số	
2	Đỗ Trần Diệu	289	10/10/1984		Kinh	X	Đại học	Văn học	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Búk	Miễn thi		
3	Trần Thị Kim Dung	290		09/10/1993	Kinh	x	Đại học	Giáo dục chính trị	B	B	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Cư Kuin			
4	Nguyễn Thị Hà	291		02/03/1996	Kinh	x	Đại học	Triết học	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Cư Kuin	Miễn thi		
5	Nguyễn Thị Hà	292		4/9/1992	Kinh	X	Đại học	Giáo dục chính trị	B	B	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Bông			
6	Nguyễn Hữu Hiệu	293	09/09/1993		Kinh	X	Đại học	Giáo dục Chính trị	B	B	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Búk	Miễn thi		
7	Nguyễn Thị Thanh Hoài	294		2/3/1995	Kinh	X	Đại học	Xây dựng Đảng và Chính quyền	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Bông	Miễn thi		
8	Hoàng Thị Mai Hương	295		07/05/1991	Tày	x	Đại học	Giáo dục chính trị	B	B	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Cư Kuin		Dân tộc thiểu số	
9	Hồ Văn Lâm	296	10/11/1989		Kinh	X	Đại học	Luật		A	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Búk	Miễn thi		
10	Nguyễn Tiến Lộc	297	19/06/1988		Kinh	X	Đại học	Giáo dục Chính trị	B	Văn phòng	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Búk	Miễn thi		

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đăng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
11	Nguyễn Thị Lương	298		17/06/1989	Kinh	X	Đại học	Giáo dục Chính trị	B	B	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Búk			
12	Lê Thị Lương	299		20/3/1992	Kinh	X	Đại học	Giáo dục chính trị	B	B	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Ana			
13	H Rì Na Êban	300		02/06/1996	Ê đê	X	Đại học	Triết học	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Ana		Dân tộc thiểu số	
14	Nguyễn Thái Nguyên	301		01/05/1990	Kinh	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Búk	Miễn thi		
15	Phạm Thị Tuyết Nhung	302		5/4/1983	Kinh	X	Đại học	Nhân học	B	A	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Bông			
16	Nguyễn Khắc Phước	303	3/8/1987		Kinh	X	Đại học	Lịch sử	B	B	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Bông			
17	Phạm Ngọc Xuân Quỳnh	304		23/02/1991	Kinh	X	Đại học	Văn học	B	B	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Búk			
18	H Tâm Kđoh	305		14/11/1991	Ê đê	X	Đại học	Giáo dục Chính trị		B	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Búk	Miễn thi	Dân tộc thiểu số	
19	Trương Văn Thạnh	306	01/01/1988		Kinh	x	Đại học	Văn hóa học	B	B	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Cư Kuin			
20	Đinh Thị Thu Thảo	307		04/08/1989	Kinh	X	Đại học	Triết học	B	A	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Ana			
21	Nguyễn Thị Thảo	308		04/07/1990	Kinh	X	Đại học	Triết học	B	B	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Ana			
22	Nghiêm Thịnh	309	01/08/1982		Kinh	X	Đại học	Luật	B	Kỹ thuật viên	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Búk	Miễn thi		
23	Trần Đăng Thông	310	13/3/1992		Kinh	X	Đại học	Giáo dục chính trị	B	B	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Bông			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đang viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
24	Trần Thanh Tùng	311	11/08/1990		Kinh	x	Đại học	Giáo dục chính trị	B	A	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Cư Kuin	Miễn thi		
25	H Yua Niê	312		15/01/1989	Ê đê	X	Đại học	Luật	B	A	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Krông Búk		Dân tộc thiểu số	

11. Chuyên viên về công tác Dân vận (07 chỉ tiêu)

1	Nguyễn Văn Chung	313	29/02/1988		Kinh	X	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B	Chuyên viên về công tác Dân vận	Ban Dân vận Huyện ủy Krông Búk	Miễn thi		
2	Phạm Quốc Cường	314	20/04/1989		Kinh	X	Thạc sĩ	Quản lý công	B1	B	Chuyên viên về công tác Dân vận kiêm kế toán	Ban Dân vận Huyện ủy Krông Búk	Miễn thi		
3	Nguyễn Quang Cường	315	12/9/1987		Kinh	X	Đại học	Hành chính học	B	B	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy	Miễn thi		
4	Kpă Y Dân	316	23/05/1988		Ê đê	X	Đại học	Kế toán	C	A	Chuyên viên về công tác Dân vận kiêm kế toán	Ban Dân vận Huyện ủy Krông Búk		Dân tộc thiểu số	
5	Nguyễn Thọ Đoàn	317	19/05/1983		Kinh	X	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Dân vận	Ban Dân vận Huyện ủy Krông Búk	Miễn thi		
6	Ngô Công Dũng	318	13/3/1987		Kinh	X	Đại học	QTKD	A	A	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy	Miễn thi		
7	Lê Thu Hà	319		02/12/1992	Kinh	X	Đại học	Kế toán	B	B	Chuyên viên về công tác Dân vận kiêm kế toán	Ban Dân vận Huyện ủy Krông Búk	Miễn thi		
8	Nguyễn Vũ Thu Hằng	320		30/10/1990	Kinh	X	Đại học	Kế toán	C	B	Chuyên viên về công tác Dân vận kiêm kế toán	Ban Dân vận Huyện ủy Krông Búk			
9	Phạm Thị Thúy Hằng	321		23/07/1991	Kinh	X	Đại học	Kế toán	B	B	Chuyên viên về công tác Dân vận kiêm kế toán	Ban Dân vận Huyện ủy Krông Búk		Con thương binh	
10	Phạm Thị Diệu Hằng	322		9/2/1994	Kinh	X	Đại học	Luật	TOEIC 455	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
11	Trần Thị Tuyết Hạnh	323		17/3/1986	Kinh	X	Đại học	QTKD	B	B	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy			
12	Nguyễn Quốc Hòa	324	6/4/1993		Kinh	X	Đại học	Luật	B	Cao đẳng	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy			
13	Nguyễn Thị Thu Hương	325		2/3/1987	Kinh	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy			
14	Nguyễn Thị Thu Hương	326		24/7/1992	Kinh	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy			
15	Trương Thị Huyền	327		22/01/1991	Kinh	X	Đại học	Luật	B	A	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy	Miễn thi		Bổ sung hồ sơ từ Đảng ủy khối cơ quan
16	Vũ Thị Lương	328		5/7/1986	Kinh	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy		Con thương binh	
17	Huỳnh Văn Mẫn	329	10/10/1987		Kinh	X	Thạc sỹ	QTKD	B	B	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy			
18	Nông Văn Mát	330	5/10/1987		Kinh	X	Đại học	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	B1	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy	Miễn thi		
19	Y Minh Byă	331	20/4/1986		Ê đê	X	Thạc sỹ	Luật hiến pháp-hành chính	B	A	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng Dân tộc - Tôn giáo, Ban Dân vận Tỉnh ủy		Dân tộc thiểu số	
20	Hoàng Thị Quỳnh Na	332		30/4/1992	Kinh	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy	Miễn thi		Bổ sung hồ sơ từ Đảng ủy khối cơ quan

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đang viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
21	H' Vi Na Niê KDăm	333		24/2/1992	Ê đê	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng Dân tộc - Tôn giáo, Ban Dân vận Tỉnh ủy		Dân tộc thiểu số	
22	Hoàng Anh Nguyên	334	2/5/1989		Kinh	X	Đại học	Luật	Đại học	B	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy	Miễn thi		
23	Trần Thị Minh Nguyệt	335		03/12/1988	Kinh	X	Đại học	Kế toán	B	B	Chuyên viên về công tác Dân vận kiêm thủ quỹ	Ban Dân vận Thành ủy Buôn Ma			
24	Nguyễn Lê Thanh Nhân	336		01/02/1994	Kinh	X	Đại học	Kinh tế	B	B	Chuyên viên về công tác Dân vận kiêm kế toán	Ban Dân vận Huyện ủy Krông Búk	Miễn thi		
25	Phạm Quang Phong	337	05/01/1991		Kinh	X	Đại học	Luật	B	A	Chuyên viên về công tác Dân vận	Ban Dân vận Huyện ủy Krông Ana			
26	Lê Thị Quyên	338		3/1/1989	Kinh	X	Đại học	Hành chính học	B	B	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy			
27	Đình Phúc Tài	339	20/10/1984		Kinh	X	Đại học	QTKD	B	B	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy			
28	Y Thu Mlô	340	05/09/1989		Ê đê	X	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	Văn phòng	Chuyên viên về công tác Dân vận	Ban Dân vận Huyện ủy Krông Búk		Dân tộc thiểu số	
29	Nguyễn Văn Toàn	341	6/10/1990		Kinh	X	Đại học	Hành chính học	B	A	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy			
30	Lê Trọng Trà	342	20/6/1989		Kinh	X	Đại học	QTKD	B	A	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy			
31	Nguyễn Thị Minh Trâm	343		13/11/1990	Kinh	X	Đại học	Luật	B	B	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đăng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
32	Huỳnh Thị Thùy Trang	344		20/8/1992	Kinh	X	Đại học	QTKD	C	B	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy			
33	Nguyễn Văn Trung	345	14/07/1989		Kinh	X	Đại học	Luật	B	Đại học	Chuyên viên về công tác Dân vận kiêm kế toán	Ban Dân vận Huyện ủy Krông Búk			
34	Nguyễn Đức Trung	346	12/4/1984		Kinh	X	Thạc sỹ	QTKD	B1, B	UDCNTT cơ bản	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy			
35	Lê Thị Bích Vân	347		06/12/1986	Kinh	X	Đại học	Hành chính học	B	B	Chuyên viên về công tác Dân vận kiêm thủ quỹ	Ban Dân vận Thành ủy Buôn Ma	Miễn thi		
36	Trần Thị Hồng Vân	348		23/6/1991	Kinh	X	Đại học	Hành chính học	B	B	Chuyên viên về công tác Dân vận kiêm thủ quỹ	Ban Dân vận Thành ủy Buôn Ma	Miễn thi	Con người được hưởng chính sách như thương binh	
37	Nguyễn Thị Tường Việt	349		6/6/1986	Kinh	X	Đại học	Luật	B	Trung cấp	Chuyên viên về công tác Dân vận	Phòng dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Tỉnh ủy	Miễn thi		

12. Nhân viên kế toán (05 chỉ tiêu)

1	Ni Di H'An Niê	350		16/6/1991	Ê đê	x	Đại học	Tài chính ngân hàng	C	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh		Dân tộc thiểu số	
2	Đặng Nguyễn Hồng Ân	351		3/2/1986	Kinh	X	Đại học	Kế toán	B	A	Nhân viên kế toán	Văn phòng Huyện ủy Krông Bông	Miễn thi		
3	Lâm Quang Bình	352	06/10/1988		Tày	X	Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý	B	Kỹ thuật viên	Nhân viên kế toán	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Ea H'leo		Dân tộc thiểu số	
4	Ngô Đặng Linh Chi	353		06/06/1990	Kinh		Đại học	Tài chính ngân hàng	B	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	H Điệp Niê	354		13/07/1994	Ê đê		Đại học	Kinh tế	BI	UDCNTT cơ bản	Nhân viên kế toán	Văn phòng Huyện ủy Cư M'Gar		Dân tộc thiểu số	
6	Nguyễn Thị Dương	355		09/04/1987	Kinh		Đại học	Kế toán	B	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
7	Võ Thị Bảo Hằng	356		15/8/1994	Kinh		Đại học	Kế toán	B	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng Huyện ủy Krông Bông			
8	Lê Thu Hằng	357		16/11/1992	Kinh	x	Thạc sỹ	Kinh tế phát triển	B	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			Bổ sung hồ sơ từ Đảng ủy khối cơ quan
9	Trần Thị Thu Hiếu	358		26/5/1988	Kinh	x	Đại học	Kế toán	C	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
10	Đặng Thị Hoa	359		22/10/1987	Kinh		Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
11	Nguyễn Thị Hoa	360		11/04/1991	Kinh		Đại học	Kế toán	C	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
12	Nguyễn Thị Tuy Hòa	361		22/06/1987	Kinh		Đại học	Kế toán	B	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng Huyện ủy Krông Bông			
13	Nguyễn Hữu Hoàng	362	20/4/1983		Kinh	x	Đại học	Kế toán	B	Văn phòng	Nhân viên kế toán	Cơ quan UBMTTQ huyện Ea Kar		Con người hưởng chính sách như thương binh	
14	Nguyễn Thế Hoàng	363	04/05/1991		Kinh		Đại học	Kế toán	B	UDCNTT nâng cao	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
15	Uông Phạm Nhật Hùng	364	17/9/1995		Kinh		Đại học	Kế toán	C	UDCNTT cơ bản	Nhân viên kế toán	Văn phòng Huyện ủy Krông Bông			
16	H Khuyến Niê	365		13/4/1990	Ê đê	x	Đại học	Tài chính - ngân hàng	C	B	Nhân viên kế toán	Cơ quan UBMTTQ huyện Ea Kar		Dân tộc thiểu số	
17	Nguyễn Thị Thu Lai	366		24/10/1984	Kinh	x	Đại học	Kế toán	B	B	Nhân viên kế toán	Cơ quan UBMTTQ huyện Ea Kar	Miễn thi		

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
18	Nguyễn Mỹ Linh	367		22/9/1990	Kinh	x	Đại học	Kế toán	B	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
19	H' Lisa Byă	368		12/12/1992	Ê đê	x	Đại học	Tài chính ngân hàng	B	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh		Dân tộc thiểu số	
20	Trần Thị Ly	369		10/07/1992	Kinh		Đại học	Kế toán	C	B	Nhân viên kế toán	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Ea H'leo			
21	Nguyễn Thị My	370		29/7/1985	Kinh		Đại học	Kế toán	B	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh	Miễn thi		
22	Hoàng Nguyễn Hải Nam	371		17/8/1995	Kinh		Đại học	Tài chính ngân hàng	B	UDCNTT cơ bản	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
23	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	372		11/11/1988	Kinh		Đại học	Kế toán	B	A	Nhân viên kế toán	Văn phòng Huyện ủy Krông Bông			
24	Trương Phương Nguyên	373		22/12/1993	Kinh		Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	UDCNTT cơ bản	Nhân viên kế toán	Văn phòng Huyện ủy Cư M'Gar			
25	Lương Thị Nhân	374		25/11/1993	Kinh		Đại học	Kế toán	C	B	Nhân viên kế toán	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Ea H'leo			
26	Võ Thị Cẩm Nhung	375		29/4/1990	Kinh		Đại học	Kế toán	B	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng Huyện ủy Krông Bông			
27	Nay Phương	376	16/6/1993		Jarai	X	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	A	Nhân viên kế toán	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Ea H'leo		Dân tộc thiểu số	
28	Nguyễn Thị Hoài Phương	377		10/5/1984	Kinh	x	Đại học	Kế toán	B	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh	Miễn thi		Bổ sung hồ sơ từ Đảng ủy khối cơ quan
29	Nguyễn Thị Phượng	378		2/9/1982	Kinh	x	Đại học	Kế toán	B	B	Nhân viên kế toán	Cơ quan UBMTTQ huyện Ea Kar			
30	Nguyễn Thị Như Quỳnh	379		14/3/1992	Kinh		Đại học	Kế toán	B	B	Nhân viên kế toán	Cơ quan UBMTTQ huyện Ea Kar			
31	Trần Mạnh Tài	380	19/02/1989		Kinh	x	Đại học	Tài chính ngân hàng	B	A	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đang viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
32	Nguyễn Nữ Thanh Thanh	381		24/7/1992	Kinh	x	Đại học	Kế toán	B	ƯDCNTT cơ bản	Nhân viên kế toán	Cơ quan UBMTTQ huyện Ea Kar	Miễn thi	Con người hưởng chính sách như thương binh	
33	Đặng Phương Thanh	382		19/01/1995	Kinh		Đại học	Kế toán	B	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
34	Trịnh Đan Thanh	383		09/11/1992	Kinh		Đại học	Tài chính ngân hàng	B	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
35	Phan Long Thành	384	21/6/1992		Kinh	X	Đại học	Kế toán	C	B	Nhân viên kế toán	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Ea H'leo	Miễn thi		
36	Võ Phương Thảo	385		07/5/1994	Kinh		Đại học	Kế toán	B	B	Nhân viên kế toán	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Ea H'leo		Con người được hưởng chính sách như thương binh	
37	Nguyễn Thị Thanh Thảo	386		22/6/1988	Kinh	x	Đại học	Kế toán	B	A	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
38	Trần Thị Thiện	387		5/6/1989	Kinh	X	Đại học	Kế toán	B	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng Huyện ủy Krông Bông	Miễn thi		
39	Trần Thị Thanh Thủy	388		12/10/1990	Kinh		Đại học	Kế toán	B	Kỹ thuật viên	Nhân viên kế toán	Văn phòng Huyện ủy Krông Bông			
40	Phạm Thị Huỳnh Trang	389		10/7/1989	Kinh	x	Đại học	Kế toán	B	B	Nhân viên kế toán	Cơ quan UBMTTQ huyện Ea Kar	Miễn thi		
41	Nguyễn Kiều Trang	390		16/9/1990	Kinh	x	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	B	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
42	Vũ Mạnh Trung	391	8/3/1989		Kinh	X	Đại học	Kế toán	B	ƯDCNTT cơ bản	Nhân viên kế toán	Văn phòng Huyện ủy Krông Bông	Miễn thi		
43	Trương Thanh Tùng	392	18/4/1993		Kinh		Đại học	Kế toán	C	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
44	Đặng Thanh Tùng	393	14/8/1990		Kinh	x	Đại học	Tài chính ngân hàng	B	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh	Miễn thi		
45	Huỳnh Thị Tuyền	394		17/2/1986	Kinh	x	Thạc sĩ	Kế toán	C	A	Nhân viên kế toán	Cơ quan UBMTTQ huyện Ea Kar			
46	Lê Thị Thanh Xuân	395		22/8/1994	Kinh		Đại học	Tài chính ngân hàng	B	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng Huyện ủy Cư M'Gar			
47	Nguyễn Thị Yến	396		7/7/1990	Kinh	X	Đại học	Kế toán	B	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng Huyện ủy Krông Bông	Miễn thi		
48	Phạm Trần Phương Yến	397		30/3/1995	Kinh		Đại học	Kế toán	C	B	Nhân viên kế toán	Văn phòng, Cơ quan UBMTTQ tỉnh			
13. Nhân viên Văn thư - Lưu trữ (02 chỉ tiêu)															
1	Phạm Thị Mỹ Anh	398		15/10/1995	Kinh		Đại học	QLNN	B	UDCNTT cơ bản	Nhân viên Văn thư - Lưu trữ	Văn phòng Huyện ủy Krông Ana			
2	Hà Thị Kim Chi	399		15/1/1989	Kinh		Đại học	Văn học	B	Văn phòng	Nhân viên Văn thư - Lưu trữ	Cơ quan Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy			
3	Nguyễn Đình Chung	400	18/8/1987		Tây	X	Đại học	Hành chính học	B	B	Nhân viên Văn thư - Lưu trữ	Cơ quan Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy		Dân tộc thiểu số	
4	Đỗ Thị Thu Hiền	401		03/12/1995	Kinh		Đại học	QLNN	B	B	Nhân viên Văn thư - Lưu trữ	Văn phòng Huyện ủy Krông Ana			
5	Nguyễn Thị Hoài	402		18/7/1978	Kinh	X	Đại học	Luật	B	Trung cấp	Nhân viên Văn thư - Lưu trữ	Cơ quan Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy			
6	Lê Thị Liên	403		09/06/1986	Kinh	X	Thạc sĩ	QL Công	B	B	Nhân viên Văn thư - Lưu trữ	Văn phòng Huyện ủy Krông Ana			
7	Lê Thị Thu Na	404		20/8/1985	Kinh	X	Đại học	Hành chính học	Trung cấp	B	Nhân viên Văn thư - Lưu trữ	Văn phòng Huyện ủy Krông Ana			
8	Lê Quỳnh Thương	405		28/9/1990	Kinh		Đại học	Quản trị Văn phòng	B	B	Nhân viên Văn thư - Lưu trữ	Cơ quan Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy			
9	Đặng Thị Thủy	406		15/01/1985	Kinh	X	Đại học	Lưu trữ học-QTVP	B	B	Nhân viên Văn thư - Lưu trữ	Văn phòng Huyện ủy Krông Ana		Con liệt sĩ	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ				Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
10	Đoàn Thị Xuân	407		14/9/1990	Kinh		Đại học	Lưu trữ học và quản trị văn phòng	B	B	Nhân viên Văn thư - Lưu trữ	Cơ quan Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy			

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TÀI LIỆU ÔN TẬP THI TUYỂN CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM 2019
 (Kèm theo Thông báo số 12 -TB/HĐTD ngày 15 /11/2019
 của Hội đồng tuyển dụng công chức, viên chức tỉnh Đắk Lắk năm 2019)

I. VÒNG 1

STT	Nội dung, văn bản
1	Hiến pháp Việt Nam năm 2013
2	Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015
3	Luật Cán bộ, công chức năm 2008
4	Nghị định số 02/NĐHN-BNV ngày 21/5/2019 của Bộ Nội vụ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức
5	Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII
6	Quy định số 29-QĐ/TW, ngày 25/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương về “Thi hành Điều lệ Đảng”.
7	Hướng dẫn số 01- HD/TW, ngày 20/9/2016 của Ban Bí thư “Một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng”

II. VÒNG 2

1. Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy

STT	Nội dung, văn bản
1	Chuyên đề: Biên soạn văn bản của Đảng
2	Chuyên đề: Thông tin phục vụ cấp ủy
3	Hướng dẫn số 36-HD/TW, ngày 03/4/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản của Đảng

2. Kiểm tra viên

STT	Nội dung, văn bản
1	Quy định số 30-QĐ/TW ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; Hướng dẫn số 01-HD/UBKTTW ngày 21/11/2016 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn việc thực hiện Quy định số 30-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương
2	Quy định số 86-QĐ/TW ngày 01/6/2017 của Bộ Chính trị về giám sát trong Đảng; Hướng dẫn số 02-HD/UBKTTW ngày 12/9/2017 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện một số điều trong Quy định số 86-QĐ/TW của Bộ Chính trị về giám sát trong Đảng
3	Quyết định 684-QĐ/UBKTTW ngày 03/01/2018 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành quy trình tiến hành công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật đảng của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

STT	Nội dung, văn bản
4	Quy định số 102-QĐ/TW ngày 15/11/2017 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm; Hướng dẫn số 04-HD/UBKTTW ngày 22/3/2018 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn việc thực hiện Quy định số 102-QĐ/TW của Bộ Chính trị
5	Quy định số 07-QĐi/TW ngày 28/8/2018 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm; Hướng dẫn số 06-HD/UBKTTW ngày 18/12/2018 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn việc thực hiện Quy định số 07-QĐi/TW của Bộ Chính trị

3. Chuyên viên về công tác Tuyên giáo

STT	Nội dung, văn bản
1	Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 15/10/2007 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới.
2	Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 9/10/2014 của Bộ Chính trị, khóa XI “về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”.
3	Chương trình số 17-CTr/TU, ngày 24/10/2007 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới.
4	Kế hoạch số 108-KH/TU, ngày 06/6/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”.
5	Chương trình số 41-CTr/TU, ngày 26/8/2014 của Tỉnh ủy về “thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

4. Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng/ Phát triển nhân lực

STT	Nội dung, văn bản
1	Quy định số 29-QĐ/TW ngày 25/7/2016 quy định thi hành điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII)
2	Hướng dẫn số 01- HD/TW, ngày 20/9/2016 của Ban Bí thư “Một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng”
3	Hướng dẫn số 09- HD/BTCTW, ngày 05/6/2017 của Ban Tổ chức Trung ương, về nghiệp vụ công tác đảng viên
4	Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
5	Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

STT	Nội dung, văn bản
6	Quy định số 105-QĐ/TW ngày 19/12/2017 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

5. Chuyên viên về công tác Dân vận

STT	Nội dung, văn bản
1	Quyết định 290-QĐ/TW, ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị (khoá X) về việc ban hành “Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị” và Quyết định 5762-QĐ/TU, ngày 12/5/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành “Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”
2	Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của BCH TW (Khoá IX) “về công tác dân tộc”; Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 20/10/2015 của Ban Bí thư về “Tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số”.
3	Nghị quyết số 25 – NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) “về công tác tôn giáo trong tình hình mới”.
4	Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá (XI) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”.
5	Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 22/02/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

6. Chuyên viên về công tác Đoàn

STT	Nội dung, văn bản
1	Luật Thanh niên năm 2005
2	Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh khóa XI; Hướng dẫn thi hành Điều lệ Đoàn
3	Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa
4	Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030
5	Nghị quyết số 45-NQ/CP ngày 11/9/2009 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

7. Chuyên viên về công tác Mặt trận

STT	Nội dung, văn bản
1	Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015
2	Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa VIII
3	Thông tri số 23/TTr-MTTW-BTT ngày 21/7/2017 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn quy trình giám sát và quy trình phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam
4	Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội
5	Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) về Quy định MTTQ Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền
6	Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh

8. Chuyên viên về công tác Hội cựu chiến binh

STT	Nội dung, văn bản
1	Pháp lệnh Cựu chiến binh năm 2005
2	Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam khóa VI

9. Chuyên viên về công tác Hội Phụ nữ

STT	Nội dung, văn bản
1	Điều lệ Hội LHPN Việt Nam khóa XII; Hướng dẫn số 05/HD-BCH ngày 26/9/2017 của BCH TW Hội LHPN Việt Nam về hướng dẫn thực hiện Điều lệ Hội LHPN Việt Nam
2	Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước
3	Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội
4	Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) về Quy định MTTQ Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền
5	Chỉ thị số 21/CT-TW ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác phụ nữ trong tình hình mới

10. Chuyên viên về công tác Hội nông dân

STT	Nội dung, văn bản
1	Quyết định số 179-QĐ/HNDTW ngày 19/02/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc ban hành Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam khóa VII, nhiệm kỳ 2018-2023

STT	Nội dung, văn bản
2	Hướng dẫn số 93-QĐ/HNDTW ngày 05/8/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam một số vấn đề cụ thể về thi hành Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam
3	Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông thôn, nông dân
4	Kết luận số 61-KL/TW ngày 03/12/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Đề án “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010-2020
5	Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2011-2020
6	Nghị quyết số 29-NQ/HNDTW ngày 04/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (khóa VI) về nâng cao chất lượng Phong trào Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

11. Chuyên viên tại Trường Chính trị tỉnh/các Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện

STT	Nội dung, văn bản
1	Quy định số 09 -QĐi/TW, ngày 13/11/2018 Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
2	Quyết định số 2252-QĐ/HVCTQG, ngày 02/5/2019 của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về ban hành quy chế đào tạo của trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
3	Quyết định số 185 - QĐ/TW, ngày 03/9/2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
4	Quyết định số 1853 - QĐ/BTGTW, ngày 04/03/2010 của Ban Chấp hành Trung ương về ban hành quy chế giảng dạy và học tập của trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

12. Kế toán

STT	Nội dung, văn bản
1	Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc hội
2	Nghị định số 165/2017/NĐ-CP, ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam
3	Thông tư số 107/2017/TT-BTC, ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp

13. Văn thư – lưu trữ

STT	Nội dung, văn bản
1	Nghị định số 33/2002/NĐ-CP, ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước
2	Hướng dẫn số 36-HD/TW, ngày 03/4/2018 của Văn phòng Trung ương hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản của Đảng
3	Quy định số 66-QĐ/TW, ngày 06/02/2017 của Ban Bí thư về thể loại, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của Đảng
4	Quy định số 270-QĐ/TW, ngày 06/12/2014 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về phong lưu trữ Đảng cộng sản Việt Nam